

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 703 /SNV-CCVC

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 5 năm 2019

V/v góp ý Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định về số lượng cán bộ, công chức cấp xã; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động KCT ở cấp xã, cán bộ ở thôn, tổ dân phố

Kính gửi: - Các Ban: Tổ chức, Dân vận Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Hội Chữ thập đỏ tỉnh; Hội Người cao tuổi tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thực hiện Kết luận số 92-KL/TU ngày 03/10/2018 của Ban thường vụ Tỉnh ủy ban hành về một số vấn đề tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII), Sở Nội vụ đã tham mưu Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định về số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; số lượng, mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

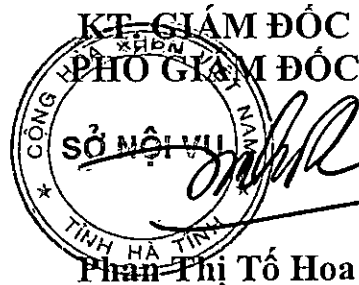
Sở Nội vụ kính đề nghị các cơ quan, đơn vị góp ý Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh nêu trên bằng văn bản và gửi về Sở Nội vụ trước ngày 03/6/2019 để kịp thời tổng hợp trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh. Riêng đối với UBND các huyện, thành phố, thị xã, ngoài góp ý nội dung dự thảo Nghị quyết, cần tổng hợp ý kiến góp ý của các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

(Xin gửi kèm theo Dự thảo Nghị quyết và một số văn bản có liên quan)

Rất mong nhận được sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, CCVC.



Số: /2019/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố; số lượng, mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHOA XVII, KỶ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; số lượng, mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Cụ thể như sau:

- a) Loại 1: tối đa 19 người;
- b) Loại 2: tối đa 18 người;
- c) Loại 3: tối đa 17 người.

Đối với các xã, thị trấn bố trí Trưởng Công an xã là công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức quy định tại khoản 2 Điều này giảm 01 người. Việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của từng xã, phường, thị trấn, không nhất thiết xã, phường, thị trấn nào cũng bố trí tối đa số lượng cán bộ, công chức quy định tại khoản này.

2. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

3. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2019-2021:

a) Chậm nhất là đến ngày 01/01/2022 thì số lượng cán bộ, công chức cấp xã ở đơn vị hành chính mới phải bảo đảm số lượng tối đa theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

b) Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ, công chức cấp xã ở đơn vị hành chính mới phải bảo đảm số lượng tối đa quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Quy định chức danh, số lượng và mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã gồm:

a) Khối công tác Đảng gồm: Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận.

b) Khối công tác Mặt trận, tổ chức đoàn thể, hội gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Phó các đoàn thể: Phụ nữ, Nông dân, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ.

c) Khối công tác chính quyền:

Đối với các phường gồm: Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự; Trưởng Ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố; Phụ trách lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi, khuyến nông; Phụ trách chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật; Phụ trách trạm truyền thanh cơ sở; các chức danh khác thực hiện nhiệm vụ theo tính chất đặc thù của địa phương (nếu có).

Đối với các xã, thị trấn gồm: Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự; Phó Trưởng Công an; Công an viên thường trực; Phụ trách lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi, khuyến nông; Phụ trách chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật; Phụ trách trạm truyền

thanh cơ sở; các chức danh khác thực hiện nhiệm vụ theo tính chất đặc thù của địa phương (nếu có).

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Mỗi xã, phường, thị trấn bố trí không quá 08 người.

3. Mức khoán chi phụ cấp: Thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn như sau: Loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 16,8 lần mức lương cơ sở; Loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 14,4 lần mức lương cơ sở; Loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 12 lần mức lương cơ sở. Mức khoán chi phụ cấp đối với 01 người hoạt động không chuyên trách cấp xã không được thấp hơn 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng, không được cao hơn 2,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 3. Quy định chức danh, số lượng và mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; số lượng, mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố

1. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

a) Chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận.

b) Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 02 người.

c) Thực hiện khoán quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố như sau: Thôn, tổ dân phố loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,6 lần mức lương cơ sở; Thôn, tổ dân phố loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,3 lần mức lương cơ sở; Thôn, tổ dân phố loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 lần mức lương cơ sở.

2. Đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố:

a) Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 05 người để thực hiện các nhiệm vụ sau: Thôn (tổ) phó; Công an viên ở địa bàn xã, thị trấn hoặc tổ đội trưởng (quân sự) ở địa bàn phường; Nhân viên y tế, cộng tác viên dân số kế hoạch hóa gia đình, phụ trách công tác gia đình; Thôn (tổ) đội trưởng (quân sự) ở địa bàn xã, thị trấn hoặc tổ bảo vệ dân phố ở địa bàn phường; Phó Bí thư chi bộ, chi ủy viên, Phó Ban công tác Mặt trận; Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội Phụ nữ; Chi hội Cựu chiến binh; Chi hội Nông dân; Tổ chức xã hội và các nhiệm vụ khác theo đặc thù địa phương.

b) Thực hiện khoán mức bồi dưỡng để chi trả hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố như sau: Thôn, tổ dân phố loại 1 được khoán mức bồi dưỡng bằng 4,2 lần mức lương cơ sở; Thôn, tổ dân phố loại 2 được khoán mức bồi dưỡng bằng 3,8 lần mức lương cơ sở; Thôn, tổ dân phố loại 3 được khoán mức bồi dưỡng bằng 3,4 lần mức lương cơ sở.

Điều 4. Nguyên tắc, đối tượng, mức phụ cấp kiêm nhiệm

Thực hiện kiêm nhiệm để giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa tại khoản 1 Điều 1, khoản 2 Điều 2 và điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

1. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm cán bộ, công chức cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm gồm: 50% mức lương (bậc 1), cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh (kể cả trường hợp Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân) cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

2. Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Ngoài việc được hưởng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã còn được hưởng mức khoán nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã mà người đó kiêm nhiệm nhưng tổng phụ cấp kiêm nhiệm không được quá 2,1 lần mức lương cơ sở.

3. Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Ngoài việc được hưởng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã hoặc được hưởng phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, còn được hưởng mức khoán nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố mà người đó kiêm nhiệm nhưng tổng phụ cấp kiêm nhiệm không được quá 1,8 lần mức lương cơ sở.

4. Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm nhiệm vụ của những người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố: Ngoài việc được hưởng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã hoặc được hưởng phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, còn được hưởng mức khoán của nhiệm vụ thuộc nhóm nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết cách thức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố và hướng dẫn các nội dung liên quan để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 131/2010/NQ-HĐND ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng cán bộ,

công chức xã, phường, thị trấn; số lượng, chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung về số lượng, mức khoản chi phụ cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Đình Sơn